

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Lâm sinh.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Thái Thành Lượm.

2. Ngày tháng năm sinh: 24/12/1959; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 93B Trần Hưng Đạo, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Thái Thành Lượm, số P26 C16 Trần Bạch Đằng, P.An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại nhà riêng: 02973603545; Điện thoại di động: 0983993545; E-mail: thaithanhl uom@gmail.com; thaithanhl uom@vnkgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 06/1982 đến tháng 12/1984: Chuyên viên, Tổ Trưởng Tổ ĐTQH rừng, Sở Lâm nghiệp Kiên Giang.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 01/1985 đến tháng 12, năm 1987: P. Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Sở Lâm
nghiệp Kiên Giang

Từ tháng 01/1988 đến tháng 12/1992: Ủy viên BCH Tỉnh Đoàn (P. Chỉ huy Trưởng, Lực
lượng thanh niên xung phong, (P. Ban Phong trào) Tỉnh Đoàn Kiên Giang).

Từ tháng 01/1993 đến tháng 12/1998: P. Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật Sở Nông - Lâm -
Thủy lợi, tỉnh Kiên Giang.

Từ tháng 01/1999 đến tháng 06/2003: Phó Giám đốc, Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang,
Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (Khóa V).

Từ tháng 06/2003 đến tháng 06/2006: Giám đốc Vườn Quốc gia U Minh Thượng tỉnh Kiên
Giang;

Từ tháng 06/2006 đến tháng 06/2008: Phó Bí thư, huyện ủy Phú Quốc, Chủ tịch UBND
huyện Phú Quốc.

Từ tháng 06/2008 đến tháng 06/2011: Ủy viên Ban chấp hành Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài
nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.

Từ tháng 06/2011 đến tháng 09/2014: Ủy viên BCH Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Thông tin và
Truyền thông tỉnh Kiên Giang.

Từ tháng 09/2014 đến tháng 01/2020: Ủy viên BCH Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng
Trường Đại học Kiên Giang.

Từ tháng 01/2020 đến nay năm 2023: GV cao cấp, Thành viên Hội đồng Trường Đại học
Kiên Giang.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cao cấp bậc 8; Chức vụ cao nhất đã qua: Tỉnh ủy viên BCH
Đảng Bộ tỉnh Kiên Giang; Giám đốc Sở; Hiệu trưởng Đại học thuộc Bộ Giáo dục và Đào
tạo.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kiên Giang.

Địa chỉ cơ quan: 320A, TT. Minh Lương, H. Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại cơ quan: 02973603545.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 11 năm 1995; số văn bằng: 38/C212, số hiệu bằng A124077; ngành: Lâm nghiệp, chuyên ngành: Lâm Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh

- Được cấp bằng ThS ngày tháng năm ; số văn bằng: ; ngành: ; chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Không

- Được cấp bằng TS (PTS Khoa học nông nghiệp) ngày 28 tháng 01 năm 1997; số văn bằng: 3889; ngành: Khoa học Nông nghiệp; chuyên ngành: Lâm nghiệp; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng: ; ngành: ; chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS theo Quyết định 189/2010, ngày 04 tháng 01 năm 2010, của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước. Được bổ nhiệm chức danh PGS theo Quyết định số 1984/QĐ-BGDĐT, ngày 09 tháng 05 năm 2011; ngành: Lâm nghiệp.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về lâm sinh rừng ngập mặn (RNM), rừng tràm (RT), rừng Dó bầu trong rừng đồi núi Phú Quốc, các loại rừng trên vùng biển Tây đồng bằng sông Cửu Long;

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu môi trường đất và nước RNM, RT và môi trường đất rừng đồi núi Phú Quốc, trong vùng biển Tây vùng đồng bằng sông Cửu Long.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) nghiên cứu sinh (NCS), 03 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ; trong đó hướng dẫn chính 02 NCS đã có bằng tiến sĩ.

- Đã hướng dẫn 18 cao học và 5 CH nước ngoài (HVCH)/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này).

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Sau PGS Số lượng 04 đề tài gồm: 02 đề tài cấp Bộ đạt xuất sắc, 02 đề nhánh cấp Nhà nước.

- Đã công bố (số lượng) 65 công trình khoa học, trong đó có 23 công trình đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (07 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus); 42 công trình đăng tạp chí trong nước.

- Đã được cấp (số lượng) 01 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản 15 sách trong nước và 1 chương sách tạp chí nước ngoài, trong đó 14 sách có chỉ số ISBN Quốc gia và 01 chương sách chỉ số ISBN Quốc tế; (05 giáo trình và 09 sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn kỹ thuật là chủ biên).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 01 sáng chế cơ cấu.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương lao động hạng 03 của Chủ tịch nước (năm 2009); HC hữu nghị hạng I do Quốc vương Campuchia tặng 2019 (đào tạo SV Campuchia)

- Các Huy chương danh dự Đoàn TNCS HCM; vì thế hệ trẻ do BCH trung ương Đoàn TNCS HCM tặng; huy chương vì sự nghiệp NN và PTNT do Bộ NN và PTNT tặng, vì sự nghiệp, TN và MT do Bộ TNMT tặng.

- Các kỷ niệm chương vì sự nghiệp LH các Hội KHKT do LH các HKHKT trung ương tặng; vì sự nghiệp ANTK do Bộ CA tặng; vì sự nghiệp TG do BTG trung ương tặng; vì sự nghiệp Hội thẩm TAND do TAND tối cao tặng; vì sự nghiệp GTVT do Bộ GTVT tặng; vì sự nghiệp KHCN do Bộ KHCN tặng; vì sự nghiệp Hiệp hội GDĐT (2020) do HH GD và ĐT TW tặng.

- Các Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh KG (2 lần); CSTĐ toàn quốc (2010); CSTĐ Bộ GDĐT tặng (2020)

- Các Bằng khen TT Chính phủ (2005); Bộ TNMT (2009); Bộ TTTT (2013); UBND tỉnh Kiên Giang (2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2010); Hội đồng ND tỉnh Kiên Giang (năm 2009); Bộ GDĐT (2019)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): khiển trách chi bộ 2015 vì trách nhiệm cấp dưới

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 18 năm, sau PGS là 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
8	2017-2018	03	03	01		180	135	180/315/270
9	2018-2019	03	02	01	05	270	135	270/415/270

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

10	2019-2020	03	01		05	180	135	180/315/270
03 năm học cuối								
11	2020-2021	01	02		07	210	200	230/577/270
12	2021-2022	01	01			270	100	270/552/270
13	2022-2023	01	01			255	100	255/543/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước::; Từ năm đến năm *Không*

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm *Không*

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp: *Không*

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Giảng dạy chuyên đề bằng tiếng Anh cho sinh viên Quốc tế thực tập luận văn của trường Đại học Utrecht Hà Lan tại Trường Đại học Kiên Giang.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: *Không*.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Các chứng chỉ các trường và tổ chức Quốc tế:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước Unitar (United National Institute for Training and Research of Korea). Certificate of participation “Low carbon city: Green Growth for Local Governments in the Asia - Pacific Region, in Jeju, Republic of Korea.

La Trobe University: Certificate of Attendance “Management and Preservation of traditional culture and art, and human resources development in the fields of culture, sport and tourism”, in Australia.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Thắng	x		x		2011-2018	Trường ĐH LN Việt Nam	Ngày 10/04/2018/Quyết định số 646/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH
2	Thái Bình Hạnh Phúc	x		x		2012-2019	Trường Đại học Cần Thơ	Ngày 02/05/2019/QĐ số 1271/QĐ-ĐHCT
3	Phạm Văn Tùng	x			x	2011-2018	Viện KH Thủy lợi Miền Nam	Ngày 11/09/2018/QĐ số 669/QĐ-VKHTLMN

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS (Hai nghiên cứu sinh hướng dẫn chính đã có bằng tiến sĩ là Trần Văn Thắng và Thái Bình Hạnh Phúc).

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi được công nhận PGS						
A	Tiếng Anh						
1	Research Aspects in Biological Science Vol. 1 Chapter 1: Study About Agarwood Oil (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre) in Phu Quoc Island National Park, Vietnam (đồng tác giả, chương sách có 05 tác giả). https://doi.org/10.9734/bpi/rabs/v1/1795B	Chuyên khảo	BP International 1. Print ISBN: 978-93-5547-306-6, eBook ISBN: 987-93-5547-314-1). ISSN 0045-1274, UK	05	Đồng chủ biên	Sách online, Vol. 1, Trang 1-38	Tài liệu xuất bản 31 March 2022, Nhà xuất bản BP International, 27. Old Gloucester Street London WC1N 3AX, UK
B	Tiếng Việt						

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Trầm hương và Tinh dầu Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>) Phú Quốc Việt Nam (QĐ xuất bản số 82/QĐXB-NXBKHKT/09/06/2014/ ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu 10/2014)	Chuyên khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2014.	01	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 09.04.2015)
2	Tài nguyên và Môi trường than bùn ở đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam (QĐ xuất bản số 34/QĐXB-NXBKHKT/08/03/2013/ ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu 10/2013)	Chuyên khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2013.	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 09.04.2015)
3	Tài nguyên sinh học trên các hệ sinh thái núi đá vôi ở vùng Tây nam Việt Nam (QĐ xuất bản số 23/QĐXB-NXBKHKT/08/04/2013/ ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu Quý 2/2016)	Chuyên khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2016.	01	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.01.2016)
4	Tài nguyên nước dưới đất vùng ven biển Tây tỉnh Kiên Giang (QĐ xuất bản số 24/QĐXB-NXBKHKT/08/04/2016/ ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu Quý 2/2016)	Chuyên khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2016.	01	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 10.01.2016)
5	Phú Quốc Tài nguyên và Môi trường (song ngữ Việt Anh) (QĐ xuất bản số 82/QĐXB-NXBKHKT/26/09/2017/ ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu Quý 4/2017)	Tham khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2013.	03	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.04.2015)
6	Môi trường đất và giải pháp chống suy thoái ở Vườn Quốc gia Phú Quốc Việt Nam (QĐ xuất bản số 34/QĐXB-NXBKHKT/09/06/2014/ ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu 10/2012)	Tham khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2017.	01	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.10.2017)
7	Nghiên cứu Mâm đen (<i>Avicennia officinalis</i>) trong rừng ngập mặn biển Tây Việt Nam (QĐ xuất bản số 76/QĐXB-NXBKHKT/03/07/2019/	Tham khảo	Khoa học và Kỹ thuật, 2019.	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	ISBN:978-67-0654, nộp lưu chiểu Quy 3/2019)						ngày 20.06.2019)
8	Kỹ thuật trồng cây Mâm đen (<i>Avicennia officinalis</i>) và cây Mâm trắng (<i>Avicennia alba</i>) trong vùng biển Tây Việt Nam	Hướng dẫn	Khoa học và Kỹ thuật, 2019.	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 20.06.2019) 20.06.2019
9	Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống xói lở rừng ngập mặn biển Tây hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	Hướng dẫn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2022	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 20.06.2022)
C	Giáo trình						
10	Ứng dụng công nghệ sinh học trong thực phẩm	GT (đại học)	NXB Giáo Dục Việt Nam, 2019	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.05.2019)
11	Nhập môn công nghệ sinh học	GT (đại học)	NXB Giáo Dục Việt Nam, 2019	03	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.03.2020)
12	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm đất	GT (đại học)	NXB Giáo Dục Việt Nam, 2020	03	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.03.2020)
13	Sản xuất sạch hơn	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam 2020	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ

							ngày 01.10.2020
14	An toàn trong sản xuất thực phẩm	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam 2020	02	Chủ biên	Toàn bộ	Xác nhận số 01, 06.06.2023, (Sử dụng từ ngày 01.12.2020)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Sách chuyên khảo và sách hướng dẫn. Sách chuyên khảo [A1], [1], [2], [3], [4]. Sách tham khảo [5], [6], [7]. Sách hướng dẫn [8], [9]. Sách Giáo trình [10], [11], [12], [13], [14].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Có 4 đề tài, 02 cấp Bộ và 02 đề tài nhánh cấp Nhà nước sau PGS liệt kê bản sau:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II	Sau khi được công nhận PGS				
1	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật gây trồng một số loài cây gỗ trong rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	CN	Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề tài cấp Bộ	2017-2018	18/08/2019, xuất sắc
2	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của rừng ngập mặn đến sự mất ổn định bờ biển và đề biển vùng biển Tây hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	CN	Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề tài cấp Bộ	2021-2022	05/12/2022, xuất sắc

3	Nghiên cứu chế độ ngập nước đến sinh trưởng và khả năng phòng chống cháy rừng tràm rừng U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang	CN	Đề tài nhánh: Cấp nhà nước	2010-2011	02/05/2011, đạt
4	Nghiên cứu đánh giá tác động của dự án đập biển Rạch Giá - Kiên Giang đến môi trường và hệ sinh thái trong khu vực	CN	Đề tài nhánh: Cấp nhà nước	2014-2015	10/06/2014, đạt

Các đề tài cấp tỉnh (Kiên Giang) đã thực hiện là chủ nhiệm: (1) Điều chỉnh mật độ rừng Đước với khả năng kết hợp nuôi tôm rừng phòng hộ ven biển, tỉnh Kiên Giang 1995 – 1996, (2) Xây dựng mô hình nông lâm ngư vùng đệm khu Bảo tồn thiên nhiên U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang 1995 – 1996, (3) Xây dựng rừng mấm để chinh phục bãi bồi ven biển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang 1995 – 1996, (4) Khảo nghiệm chọn giống và xuất xứ các giống tràm *Melaleucas*, trên vùng Bắc Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang 1995 – 1996, (5) Khảo nghiệm chọn các giống tràm và xuất xứ các giống tràm *Melalucas* trên vùng đất rừng U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang 1996 – 1997, (6) Đánh giá tác động môi trường về quá trình sử dụng tài nguyên sinh thái rừng vùng Tứ giác Long Xuyên, tỉnh Kiên Giang 1997- 1998, (7) Nghiên cứu đặc tính ưu thế lai của 3 nhóm tổ hợp lai trong 2 loại tràm cừ (*Melaleuca cajuputi*) trong nước và (*Melaleuca leucadendra*) tràm nhập nội Asutralia 2000 – 2002, (8) Nghiên cứu xác định các giống cây Dó bầu và các loài nấm cộng sinh có khả năng tạo tràm thuộc Vườn Quốc gia Phú Quốc 2010 2011, (9) Đánh giá hiện trạng môi trường đất và đề xuất biện pháp chống suy thoái một số hệ sinh thái rừng Vườn Quốc gia Phú Quốc 2010 -2011, (10) Nghiên cứu xác định hàm lượng và chất lượng tinh dầu từ cành và lá cây tràm hương (*Aquilaria crassna* Piere) 20 tuổi tại Phú Quốc 2010 2011.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký. Có 2 đề tài cấp Bộ đã được nghiệm thu đạt xuất sắc [1], [2], và 2 đề tài nhánh CNN [3], [4].

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II	Sau khi được công nhận PGS							
Các bài báo tiếng Anh trên tạp chí uy tín								
1	Current Management of Allocated Mangroves for livelihood Improvement in the Mekong Delta, Vietnam, Knowledge Gaps and a Potential Model for Future Management https://doi.org/10.1080/10549811.2020.1743722	02	x	Journal Sustainable Forestry ISSN: 1054-9811 (Print) 1540-756X.	ISI/Scopus, IF=1.755, Q2		Tập 2, trang 1-15	23/03/2020
2	Protected mangrove forests and aquaculture development for livelihood. https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2021.105553	04	x	Tạp chí Ocean and Coastal Management, ISSN (online) 1873-524X, ISSN (prin)t: 0964 – 5691.	ISI/Scopus, IF=3.24, Q1		Tập 2, trang 16-25	29/01/2021
3	Using Fine – Grained Siderment and Wave Atenuation as a New Mearsure for Evaluating the Efficacy of Offshore Breakwaters in Stabilizing and Eroded muddy Coast Insights	06	x	Tạp chí Sustainability, ISSN 2071-1050	ISI/Scopus, IF=3.25, Q1 MDPI		Tập 2, trang 26-42	25/04/2021

	from Ca Mau The Mekong Delta Vietnam https://doi.org/10.3390/su13094798							
4	Pollution by waste water form aquaculture in the Mekong Delta, Vietnam. Đường link bài báo: http://www.bioflux.com.ro/docs/2022.1520-1530	07	x	Tạp chí AACL Bioflux (Aquaculture, Aquarium, Conservation & Legistation – International Journal of the Bioflux Society). ISSN (online) 1844-9166, ISSN (print) 1844-8143. Scopus Q3. Volume 15(3)/2022. Đường link tạp chí: http://www.bioflux.com.ro/home/volume-15-3-2022/	Scopus, IF=0.99, Q3		Tập 2, trang 43-52	23/06/2022
5	The chemical resistances of pesticides in agriculture production in three eco-zones in Kien Giang province Đường link bài báo: http://www.bioflux.com.ro/docs/2022.1344-1354	05	x	Tạp chí AACL Bioflux (Aquaculture, Aquarium, Conservation & Legistation” – International Journal of the Bioflux Society) . ISSN (online): 1844-9166, ISSN (print): 1844-8143. Scopus Q3. Volume 15 (3)/2022. Đường link tạp chí: http://www.bioflux.com.ro/home/volume-15-3-2022/	Scopus, IF=0.99, Q3		Tập 2, trang 53-63	14/06/2022
6	The Role of Mangrove forest in the coast and dykes West Sea zone protection: A Case study in Kiên Giang and Ca Mau provinces https://www.scopus.com/sourceid/21100268407#tabs=2	03	x	Revista de Gestao Social e Ambiental (Environmental and Social Management Journal). E-ISSN: 1981-982X. Scopus Q4. Đường link Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/21100268407#tabs=2	Scopus, IF=0.4, Q4		Tập 2, trang 64-78	Accepted 03/06/2023
7	Peatmass change and water level influencing regenerated Melaleuca forest after a fire in U	04	x	Revista de Gestao Social e Ambiental (Environmental and Social Management Journal). E-ISSN: 1981-982X. Scopus,	Scopus, IF=0.4, Q4		Tập 2, trang 79-90	Accepted 05/06/2023

	Minh Thuong National Park, Vietnam https://www.scopus.com/sourceid/21100268407#tabs=2			https://www.scopus.com/sourceid/21100268407#tabs=2				
Các bài báo Quốc tế tiếng Anh								
8	Evaluation of the surface water in areas of Vietnam https://koreascience.kr/ksci/search/article/articleView.ksci?articleBean.atclMgntNo=HOPHBL_2009_v18n6_445	01	x	Journal of Environmental Impact Assessment (Korea). Korean Society of Environmental Impact Assessment (KSEIA): Vol. 18, No. 6. ISSN: 1225 - 7184	Quốc tế		Tập 2, trang 91-98	11/2009
9	Integrated Multiple Species Aquaculture in the Protected Mangrove Areas in the Mekong Delta, Vietnam: A Case Study in Kien Giang https://www.walshmedicalmedia.com/open-access/integrated-multiple-species-aquaculture-in-the-protected-mangrove-areas-in-the-mekong-delta-vietnam-a-case-study-in-kien-giang-18012.html	01	x	Journal Coastal Zone Management. Volume 21*Issue 2*1000465. ISSN-2473-3350	Quốc tế		Tập 2, trang 99-106	17/12/2018
10	Sea dykes as coastal protection strategy: Effectiveness and constrains in Kien Giang, Vietnam https://www.walshmedicalmedia.com/open-access/sea-dykes-as-a-coastal-protection-strategy-effectiveness-and-	01	x	Journal Coastal Zone Management. ISSN -2473-3350 Vol. 22 Issue. 1. 1000467	Quốc tế		Tập 2, trang 107-112	26/02/2019

	constraints-in-kien-giang-vietnam-18139.html						
11	Aquaculture Operation in Allocated Mangrove Areas in Kien Giang, Vietnam: Local Perceptions and Recommendations https://www.walsh-medicalmedia.com/open-access/aquaculture-operation-in-allocated-mangrove-areas-in-kien-giang-vietnam-local-perceptions-and-recommendations-43962.html	01	x	Journal Coastal Zone Management, ISSN: 2473-3350. Volume 22* Issue 2 * 1000470	Quốc tế	Tập 2, trang 113-118	19/06/2019
12	Genetic Characteristics and Nine Trial Species Growing Forests in The Coastal Alluvial Soil in the South-West of The Mekong River Delta in Vietnam https://www.scholarena.com/article/Genetic-Characteristics-and-Nine-Trial-Species-Growing-Forests-in-The-Coastal-Alluvial-Soil-in-The-South-West-of-The-Mekong-River-Delta-in-Vietnam.pdf	02	x	Journal Advancement in Plant Science. ISSN: 2639-1368. Vol. 2. Issue 2, April /2020	Quốc tế	Tập 2, trang 119-128	02/2020
13	Effect of flooding on peatland in U Minh Thuong National park Vietnam.	01	x	Soil Science and Environmental Management. Vol. 11(2)	Quốc tế	Tập 2, trang	03/2020

	https://doi.org/10.5897/JJSSEM2019.0776			PP 57-64, April 2020. ISSN 2141-2391			129-136	
14	Curren Status and Potential of Some Important Spieces of Mangrove Forest in Kien Giang and Ca Mau Provinces https://www.scholarena.com/article/Curren-Status-and-Potential-of-Some-Important-Species-of-Mangrove-Forest-in-Kien-Giang-and-Ca-Mau-Provinces-Vietnam.pdf	02	x	Journal of Advancements in Plant Science. ISSN: 2639-1368. Vol. 2. Issue 2	Quốc tế		Tập 2, trang 137-142	04/2020
15	Resistant Nature to Tocxicity of Rice Plant, Growing on Acid Sulphate Soil, Mekong Delta. 10.47829/ajsccr.2020.2303	04	x	American Journal of Surgery and Clinical Case Reports.	Quốc tế		Tập 2, trang 143-149	30/11/2020
Các bài báo tiếng Anh đồng tác giả								
16	Existing Strategies for managing mangrove dominated muddy coasts: Knowledge gaps and recommendatio n http://dx.doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2017.01.016	03		Journal of Ocean & Coastal Management 138 (2017) 93-100	ISI/Scopus, IF=3.24, Q2		Tập 2, trang 150-157	16/01/2017
17	Mangrove allocation for coastal protection and livelihood improvement in	03		Journal of Land Use Policy 63 (2017) 401 - 407 ISSN:0264-8377	Quốc tế		Tập 2, trang 158-164	17/01/2017

	Kien Giang province, Vietnam: Constraints and Recommendation http://dx.doi.org/10.1016/j.landusepol.2017.01.048							
18	Developing a framework for integrating local and scientific knowledge in internationally funded environment management projects: Case studies from Kien Giang, Vietnam https://doi.org/10.1080/13549839.2017.1342617	03		Local Environment. The International Journal of Justice and Sustainability ISSN: 1354-9839 (Print) 1469-6711 (Online)	Quốc tế		Tập 2, trang 165-177	08/06/2017
19	Mangrove transplantation in Brebes Regency, Indonesia: Lessons and Recommendations http://dx.doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2017.09.006	03		Oceans & Coastal Management 149 (2017) 12 - 21.	ISI/Scopus, IF=3.24, Q2		Tập 2, trang 178-187	13/09/2017
20	Configuration of Allocated Mangrove Areas and Protection of Mangrove-Dominated Muddy Coasts: Knowledge Gaps and Recommendations https://doi.org/10.3390/su13116258	02		Sustainability, 2021. 13. 6258	ISI/Scopus, MDPI IF=3.25, Q2		Tập 2, trang 188-200	01/06/2021

21	The Roles of Antitoxin of Enzymes in Rice Plant, Grown on Acid Sulfat Soils, Mekong Delta DOI:10.47829/JRS.2021.1501	05		Journal of Rice Science, 2021. Vol 01(05)	Quốc tế		Tập 2, trang 201-206	2021
Các bài hội thảo tiếng Anh có đăng ký yêu								
22	Impact of climate change and sea level rise to coastal ecological sensitive area in Kien Giang province	01	x	Hue City, 26 August 2011. Third Scientific Conference in EIA and SEA			Tập 2, trang 207-219	08/2011
23	Understanding climate change the case of Mekong delta Vietnam	02		International workshop 08 January 2019. Kien Giang University			Tập 2, trang 220-231	01/2019
Tiếng Việt								
I	Trước khi công nhận PGS							
24	Kết quả nghiên cứu trầm cừ lai trên đất rừng ngập nước theo mùa ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN:0866-7020. Số 9/2004. Trang 1284-1286			Tập 2 trang 232-235	09/2004
25	Nghiên cứu tỉ lệ hàm lượng tinh dầu có trong các thành phần cây trầm hương (Đồ bầu) 20 năm tuổi vùng đảo Phú Quốc Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 15/2007. Trang 72 - 75			Tập 2, trang 236-239	08/2007
26	Kết quả nghiên cứu giống cây trầm hương 20 năm tuổi (<i>Aquilaria crassna</i> Piere) trên những dòng cây mẹ có khả năng tự nhựa	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 04/2009. Trang 95 - 98			Tập 2, trang 240-243	04/2009

	trầm vùng đảo Phú Quốc							
27	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường để phát triển thủy sản bền vững vùng ven biển tỉnh Kiên Giang	02	x	Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ 11, ngày 21 - 23/ 10/2009, Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM.			Tập 2, trang 244-253	10/2009
28	Đánh giá hiện trạng môi trường nước nuôi tôm công nghiệp và đề xuất biện pháp cải thiện tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	04	x	Tạp chí Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam. ISN 0866 - 708X. Tập 47 - Số 3A/ 2009. Trang 264 - 276			Tập 2, trang 254-266	03A/2009 9
29	Đánh giá thực trạng môi trường nước mặt trên một số vùng sinh thái trọng điểm trên vùng biển Tây Kiên Giang Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 5/2009. Trang 104 -109			Tập 2, trang 267-272	05/2009
30	Đánh giá ảnh hưởng của chất diệt cỏ/Dioxin với môi trường hồ chứa Trị An hiện nay	02		Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 8/2009. Trang 31 - 35			Tập 2, trang 273-277	08/2009
31	Nghiên cứu cải thiện năng suất loài trầm bản địa từ các giống trầm nhập nội trên vùng đất phèn nặng ngập nước theo mùa trong vùng đồng bằng sông Cửu Long	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2009. Trang 153 - 161.			Tập 2, trang 278-286	12/2009
32	Nghiên cứu xác định một số loài							

	động, thực vật đặc hữu trong hệ sinh thái núi đá vôi còn sót lại ở khu vực Hòn Chông, Kiên Giang, Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2009. Trang 115 - 120			Tập 2, trang 287-292	12/2009
33	Nghiên cứu thực trạng của biến đổi khí hậu, xu hướng thiên tai, những kinh nghiệm bảo vệ vùng ven biển du lịch và bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 01/2010. Trang 14 - 21.			Tập 2, trang 293-300	01/2010
34	Nghiên cứu diễn biến môi trường nguồn nước mặt các vùng sinh thái nông nghiệp hạ lưu sông Mekong ven biển tây Việt Nam (2005-2009)	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 3/2010. Trang 103 - 108.			Tập 2, trang 301-306	03/2010
35	Sử dụng chỉ số chất lượng đất SQI - Soil quality index để đánh giá hiện trạng chất lượng đất ở Vườn Quốc gia Phú Quốc	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 04/2010. Trang 109 - 114.			Tập 2, trang 307-312	04/2010
36	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước và lửa rừng ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 5/2010. Trang 109 - 113.			Tập 2, trang 313-317	05/2010
II	Sau khi được công nhận PGS							
37	Phục hồi và quản lý rừng ngập mặn trong			Tuyển tập Hội thảo quốc gia, Phục hồi và quản lý hệ sinh thái rừng ngập			Tập 2, trang	

	bồi cảnh biển đôi khi hậu tỉnh Kiên Giang	01	x	mặn trong bồi cảnh biển đôi khí hậu. Cần Giò, TP. Hồ Chí Minh 23 - 25/11/2010			318- 327	11/2010
38	Điều tra thực trạng khai thác và chất lượng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	01	x	Hội nghị khoa học Quốc gia (Tuyển tập các báo cáo khoa học, Hội nghị khoa học điều tra, đánh giá và quy hoạch tài nguyên nước Khu vực Phía Nam), Chủ biên từ trang 220 -227.			Tập 2, trang 328- 335	12/2011
39	Đánh giá diễn biến môi trường vùng nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản để cảnh báo nạn ô nhiễm môi trường trong sản xuất trên địa bàn U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam. Tuyển tập các nghiên cứu phân ban Công nghệ và Quản lý môi trường. Hội nghị Khoa học Công nghệ lần thứ 12. Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM. Tập 49-Số 5C/2011. ISSN: 0866 - 708X)			Tập 2, trang 336- 347	5C/2011
40	Sử dụng phương pháp “Tồn thương cơ giới hệ thống” để nghiên cứu thăm dò trên một số dòng có kiểu di truyền (Genotype) định hướng hàm lượng tinh dầu trầm hương của loài Trầm hương (<i>Aquilaria crassna</i>) ở quần đảo Phú Quốc	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. (trang 81 – 87)			Tập 2, trang 348- 354	02/2011
41	Đánh giá thực trạng đất than bùn trong mối liên hệ đến sự phát triển hệ sinh thái bền vững ở đồng	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581.(trang 154 -158)			Tập 2, trang 355- 360	12/2011

	bằng sông Cửu Long							
42	Đánh giá sự tái sinh của rừng Mắm (<i>Avicennia officinalis</i> L.) trên đất bùn thải và nước thải do nuôi tôm công nghiệp vùng ven biển Tứ giác Long Xuyên tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. (trang 101-106)			Tập 2, trang 361-366	04/2012
43	Thực trạng ô nhiễm môi trường trên các tuyến kinh thoát nước chính ở TP. Rạch Giá và cảnh báo môi trường đô thị ở tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. Số 48/2012 (từ trang 36-42)			Tập 2, trang 367-373	06/2012
44	Thí nghiệm về ảnh hưởng của sự biến đổi nhật triều đến sự sinh trưởng và tái sinh của loài Mắm đen (<i>Avicennia officinalis</i> L.) ở vùng ven biển Tứ giác Long Xuyên Kiên Giang	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. 2012. Số 3+4 năm 2013. ISSN: 1859 - 4581. (trang 2018 -222)			Tập 2, trang 374-378	02/2013
45	Nghiên cứu qui luật phát sinh phát triển rừng ngập mặn Rạch Tràm thuộc hạ lưu đồng bằng Bãi Thơm, Phú Quốc, Việt Nam	02	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. ISSN 1859 – 1248. Số 53-54 năm 2013 (từ trang 47-53)			Tập 2, trang 379-385	02/2013
46	Nghiên cứu thực trạng tài nguyên thiên nhiên núi đá vôi trong vùng Kiên Lương, Kiên	03	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số tháng 07/ 2013 (trang 105-114)			Tập 2, trang 386-396	07/2013

	Giang, Việt Nam							
47	Nghiên cứu sự tái sinh của rừng tràm trong điều kiện biến đổi thủy văn trên các loại đất khác nhau Vườn Quốc gia U Minh Thượng	03	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2013. (trang 158-166)			Tập 2, trang 397-405	12/2013
48	Những giải pháp chiến lược để giải quyết nhu cầu nước từ các vùng ngập mặn ven biển và các vùng biển đảo trong mùa khô ở Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2013.(trang 14-23)			Tập 2, trang 406-415	12/2013
49	Sinh hóa học từ than bùn và khả năng sử dụng ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2013 (trang 05-13)			Tập 2, trang 416-424	12/2013
50	Nghiên cứu thực trạng đặc tính đất, nước vùng ven biển tây đồng bằng sông Cửu Long	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2014. (trang 03 - 12)			Tập 2, trang 425-434	12/2014
51	Xác định thành phần loài, các chỉ số sinh học và quần xã thực vật rừng ngập mặn vùng ven biển Tây đồng bằng sông Cửu Long	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2014 (trang 72 - 80)			Tập 2, trang 435-443	12/2014

52	Nghiên cứu cấu trúc gien trên các dòng có cây tụ nhựa trầm hương của các loài Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>) ở vùng đảo Phú Quốc Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2014 (trang 81 – 89)			Tập 2, trang 444-451	12/2014
53	Phân vùng sinh thái rừng ngập mặn làm cơ sở xác định mô hình trồng rừng và khôi phục rừng ngập mặn ven biển Tây Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 19/2017 (trang 186 -193)			Tập 2, trang 452-459	10/2017
54	Phân tích mối tương quan giữa các loài trong cấu trúc quần xã rừng ngập mặn biển Tây tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 20/2017 (trang 215 – 220)			Tập 2, trang 460-466	10/2017
55	Nghiên cứu tác động môi trường nước đến sinh trưởng của cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn trên các tiểu vùng sinh thái ven biển Tây Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 11/2018 (trang 118 – 124)			Tập 2, trang 467-473	11/2018
56	Nghiên cứu tác động của tính chất đất đến sự sinh trưởng và phát triển của cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn theo các	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 01/2019 (trang 149 -156)			Tập 2, trang 474-481	1/2019

	tiểu vùng sinh thái trên vùng biển Tây ở đồng bằng sông Cửu Long						
57	Thành phần loài thân mềm có kích thước lớn (Lớp Gas tropoda, Bivalvia, Cephallopoda) ở vùng biển Phú Quốc Kiên Giang	03		Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 07/2019 (trang 3-12)		Tập 2, trang 482-490	07/2019
58	Khả năng giải phóng dinh dưỡng đất than bùn trong môi trường nước ở Vườn Quốc Gia U Minh Thượng	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581.. Số 11/2020 (trang 266 – 272)		Tập 2, trang 491-496	11/2020
59	Nghiên cứu khả năng phân giải và khoáng hóa đất than bùn ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 22/2020. (trang 113 -117)		Tập 2, trang 497-501	22/2020
60	Khảo sát một số loài thực vật thân thảo có giá trị trong vùng nông nghiệp ven biển Châu Thành – Kiên Giang nhằm đề xuất khả năng khai thác cho đời sống cộng đồng địa phương.	03	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. ISSN 1859 – 1248. Số 103 năm 2020 (trang 20 - 28)		Tập 2, trang 502-510	Số 103/2021
61	Khảo sát thực trạng tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp tại 03 vùng sinh thái tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 108/2021 (trang 69 – 79)		Tập 2, trang 511-521	Số 108/2021

62	Đánh giá hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và công tác quản lý bao bì thuốc sau sử dụng tại 03 vùng sinh thái tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 109/ 2021 (trang 8 -12)			Tập 2, trang 522-526	Số 108/ 2021
63	Đặc tính của đất dưới tán rừng trồng bần trắng (<i>Sonneratia alba</i>) ở khu vực ven biển thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế.	07		Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 110/2022 (trang 17 – 22)			Tập II, trang 527-532	Số 110/ 2022
64	Ảnh hưởng của lập địa đến sinh trưởng của rừng bần trắng (<i>Soneratia alba</i>) ở khu vực ven biển tỉnh Thừa Thiên – Huế	07		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp – Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859 – 0373. Số 1 – 2022 (trang 177 – 184)			Tập 2, trang 533-540	4/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 bài báo [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không thuộc lĩnh vực An Ninh Quân sự.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Bài viết nghiên cứu tách sợi tơ từ cây chuối cho ngành dệt, may Số 6636/2020/QTG	Cục Bản Quyền Tác giả, Bộ Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch	15/09/2020	Tác giả chính	01

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS là 01 .

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Khoa học cây trồng công nghệ cao	Chủ trì	Quyết định giao số 405/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 576/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
2	Công nghệ sinh học công nghệ cao	Chủ trì	quyết định giao số 407/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 577/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
3	Công nghệ sinh học thực vật biển	Chủ trì	Quyết định giao số /408/QĐ-ĐHKG, ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 573/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
4	Nuôi trồng và bảo tồn sinh vật biển	Chủ trì	Quyết định giao số 408/QĐ-ĐHKG, ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 575 / QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): *Không*

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): *Không*

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): *Không*

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT
(UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu: *Không*.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
Không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Không*.

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Không*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: *Không*.

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: *Không*

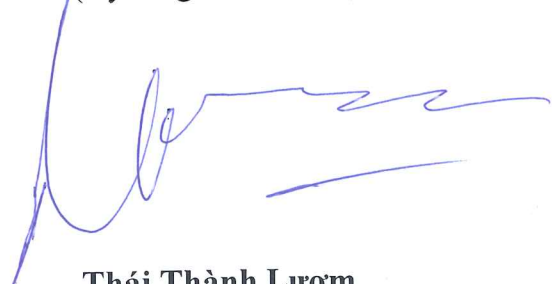
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Kiên Giang, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Thái Thành Lượm